

2.3. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ,...):

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệ BT, HTr (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Cây táo kích thước 20cm ≤ dk thân < 25cm ; cao > 2m	cây	2,0	391.700	50%	391.700	
2	Cây chuối chưa có buồng cao > 1m	cây	1,0	21.800	50%	10.900	
Tổng cộng: (C)						402.600	

3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:

Stt	Khoản bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)x(5)	(7)
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp (bảng 5 lần giá đất nông nghiệp): 290.000đ/m ² x 5 lần = 1.450.000đ/m ² .	m ²	40,9	1.450.000	59.305.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống, ổn định sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp dưới 30% diện tích đất NN đang sử dụng (30kg x 3 tháng x 16.600đ/kg = 1.494.000đ/khâu nông nghiệp).	Khâu	6	1.494.000	8.964.000	
3	Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng: 10.000đ/m ² nhưng tối đa không quá 10.000.000đ/chủ sử dụng đất.	m ²			0	Sẽ được phê duyệt sau khi người sử dụng đất đủ điều kiện, nhận tiền và bàn giao diện tích đất thu hồi theo đúng quy định
Tổng tiền: (D)					68.269.000	

4. Các khoản khấu trừ nghĩa vụ tài chính về đất đai PHẢI NỘP (nếu có) (E): Không

5. Phương án tái định cư (F): Không

III. Tổng số tiền BT, HT và TĐC: (A)+(B)+(C)+(D) 80.532.600 đồng

IV. Tổng các khoản khấu trừ phải nộp ngân sách: (E) + (F) 0 đồng

V. Tổng số tiền BT, HT và TĐC sau cân đối: (III)-(IV) 80.532.600 đồng

(- Nếu (V)>0 thì được nhận số tiền sau cân đối;

- Nếu (V)<0 thì phải nộp bổ sung số tiền sau cân đối)

Bằng chữ: Tám mươi triệu năm trăm ba mươi hai nghìn sáu trăm đồng

CHỦ TỊCH

Lê Thị Thu Hương